

Nghi Xuân, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng  
xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân giai đoạn 2021-2025  
định hướng đến năm 2030; tỷ lệ 1/5000**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ, về  
việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng,  
quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện,  
quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu  
chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021  
của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng  
QCVN 01:2021/BXD;*

*Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm  
nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND  
tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp  
giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày  
20/2/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số  
19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND  
tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới và Bộ  
tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà  
Tĩnh, giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Văn bản Hướng dẫn số 474/SXD-KTQH ngày 09/3/2020 của Sở Xây  
dựng về việc Hướng dẫn tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung xây  
dựng xã;*

*Căn cứ Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND huyện*

về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ, dự toán lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Xuân Viên tại Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 24/7/2023; của phòng Kinh tế và Hạ Tầng tại Văn bản số 179 /TĐ-KT&HT ngày 26/10/2023 về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Viên giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Viên giai đoạn 2021- 2025 định hướng đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000.

**2. Cơ quan lập quy hoạch:** UBND xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân.

**3. Phạm vi ranh giới quy hoạch:**

- Phía Bắc: Giáp thị trấn Xuân An và xã Xuân Giang;
- Phía Nam: Giáp các xã Xuân Lĩnh và thị xã Hồng Lĩnh;
- Phía Đông: Giáp xã Xuân Mỹ và xã Cổ Đạm;
- Phía Tây: Thị trấn Xuân An và xã Xuân Xuân Lĩnh.

**4. Tính chất:**

- Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với mục tiêu kinh tế xã hội trên địa bàn trong giai đoạn hiện nay.

- Cập nhật Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2032, tầm nhìn 2050, tỷ lệ 1/25.000 được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 12/9/2018; Các quy hoạch cấp trên khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ và của tỉnh Hà Tĩnh.

- Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các tiêu chí phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới đô thị.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (Giao thông, cấp điện, cấp nước...), xây dựng, cải tạo công trình, chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền

địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

- Định hướng sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, sinh sống, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất toàn xã.

### 5. Quy mô:

- Diện tích quy hoạch 2.124,27ha; trong đó quy hoạch khu trung tâm xã: 6,22 ha tại thôn Khang Thịnh. Dân số trên địa bàn xã đến năm 2030 là 4.598.

### 6. Quy hoạch sử dụng đất:

| STT      | Mục đích sử dụng đất                                 | Mã đất | Hiện trạng SDD năm 2021 |              | QH SDD năm 2022-2025 |              |
|----------|--|--------|-------------------------|--------------|----------------------|--------------|
|          |  |        | Diện tích (ha)          | Tỷ lệ (%)    | Diện tích (ha)       | Tỷ lệ (%)    |
| <b>1</b> | <b>Đất nông nghiệp</b>                               |        | <b>1.765,44</b>         | <b>85,33</b> | <b>1.205,62</b>      | <b>58,27</b> |
| 1.1      | Đất trồng lúa  | LUC    | 391,63                  | 18,93        | 211,48               | 10,22        |
| 1.2      | Đất trồng trọt khác                                  | HNK    | 466,72                  | 22,56        | 172,17               | 8,32         |
| 1.3      | Đất rừng sản xuất                                    | RSX    | 260,75                  | 12,60        | 225,28               | 10,89        |
| 1.4      | Đất rừng phòng hộ                                    | RPH    | 618,34                  | 29,89        | 562,24               | 27,17        |
| 1.5      | Đất rừng đặc dụng                                    | RDD    |                         |              | -                    | 0,00         |
| 1.6      | Đất nuôi trồng thủy sản                              | NTS    | 7,39                    | 0,36         | 7,39                 | 0,36         |
| 1.7      | Đất làm muối   | LMU    |                         |              | -                    | 0,00         |
| 1.8      | Đất nông nghiệp khác                                 | NKH    | 20,60                   | 1,00         | 27,06                | 1,31         |
| <b>2</b> | <b>Đất xây dựng</b>                                  |        | <b>232,34</b>           | <b>11,23</b> | <b>810,60</b>        | <b>39,18</b> |
| 2.1      | Đất ở  | ONT    | 38,33                   | 1,85         | 73,07                | 3,53         |
| 2.2      | Đất công cộng  | DSN    | 161,18                  | 7,79         | 208,55               | 10,08        |
| 2.3      | Đất cây xanh, thể dục, thể thao                      | DTT    | 2,48                    | 0,12         | 30,25                | 1,46         |
| 2.4      | Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền | DDT    | 6,29                    | 0,30         | 95,25                | 4,60         |
| 2.5      | Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề   | SKC    | 9,53                    | 0,46         | 249,10               | 12,04        |

| STT      | Mục đích sử dụng đất                                  | Mã đất     | Hiện trạng SDD năm 2021 |             | QH SDD năm 2022-2025 |             |
|----------|---|------------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------|
|          |   |            | Diện tích (ha)          | Tỷ lệ (%)   | Diện tích (ha)       | Tỷ lệ (%)   |
| 2.6      | Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng          |            |                         |             | -                    | 0,00        |
| 2.7      | Đất xây dựng các chức năng khác                       | DCK        | 1,39                    | 0,07        | 54,81                | 2,65        |
| 2.8      | Đất hạ tầng kỹ thuật                                  | CCC        | 12,38                   | 0,59        | 14,63                | 0,71        |
|          | <i>Đất xử lý chất thải rắn</i>                        | <i>DRA</i> | 0,72                    | -           | 0,39                 | 0,02        |
|          | <i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>                     | <i>NTD</i> | 12,32                   |             | 14,13                | 0,68        |
|          | <i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>                      | <i>DCK</i> | 0,01                    |             | 0,11                 | 0,01        |
| 2.9      | Đất hạ tầng phục vụ sản xuất                          | DTL        |                         |             | 42,77                | 2,07        |
| 2.10     | Đất quốc phòng, an ninh                               | DQP        | 0,75                    | 0,04        | 42,17                | 2,04        |
| <b>3</b> | <b>Đất khác</b>                                       |            | <b>71,24</b>            | <b>3,42</b> | <b>52,78</b>         | <b>2,55</b> |
| 3.1      | Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng | MNC        | 23,26                   | 1,12        | 22,17                | 1,07        |
| 3.2      | Đất chưa sử dụng                                      | BCS        | 47,98                   | 2,31        | 30,60                | 1,48        |
|          | <b>Tổng diện tích đất</b>                             |            | <b>2.069,01</b>         | <b>100</b>  | <b>2.069,01</b>      | <b>100</b>  |

### 7. Định hướng phân khu chức năng:

- Hệ thống các công trình công cộng: Được quy hoạch nằm dọc trục đường Giang - Viên - Lĩnh (HL01), trục đường An - Viên - Mỹ Thành như Trụ sở UBND xã Xuân Viên, điểm bưu điện văn hoá, trường học, nhà văn hóa xã, sân thể thao.

- Hệ thống các thôn: Các công trình trung tâm thôn là nhà văn hóa, sân vận động các thôn vẫn đang đảm bảo tiêu chuẩn hoạt động được giữ nguyên, tiến hành chỉnh trang, nâng cấp theo tiêu chí quy hoạch. Quy hoạch mới 2 nhà văn hóa thôn Dương Phong, thôn Trường Lam.

- Các khu dân cư tập trung: Được bố trí, phân bố trên các thôn trên toàn xã với hình thức chỉnh trang đất ở dân cư, quy hoạch nhà ở xã hội tại vùng Đồng

Biên đề thực hiện Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Gia Lách, tái định cư, phát triển khu dân cư mới.

- Khu sản xuất: Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản...) quy hoạch đất nông nghiệp công nghệ cao vùng Đồng De, Bàu Bông, thôn Nam Viên; khu rau củ quả công nghệ cao thôn Phúc Tuy; sản xuất công nghiệp.

## **8. Định hướng tổ chức không gian xã**

8.1 *Trụ sở Công an xã*: quy hoạch với diện tích 1500m<sup>2</sup> tại vị trí thôn Cát Thủy.

8.2: *Nhà văn hoá các thôn*:

Các nhà văn hóa thôn vẫn đang đảm bảo tiêu chuẩn hoạt động được giữ nguyên, tiến hành chỉnh trang, nâng cấp làm mới theo tiêu chí quy định. Quy hoạch mới 2 nhà văn hóa thôn Khang Thịnh và Xuân Áng tại thôn Khang Thịnh diện tích 0,5ha.

8.3 *Định hướng phát triển đất ở dân cư*:

- Quy hoạch Cấp đất xen dăm dân cư Đồng Mới thôn Xuân Áng, Phúc Tuy với diện tích 4,2 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất ở thôn Gia Phú và Khang Thịnh với diện tích 12 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất ở thôn Mỹ Lộc và Khang Thịnh với diện tích 6,88 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch Cấp đất xen dăm dân cư Bắc Cội thôn Nam Viên với diện tích 3,9 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất ở thôn Nam Viên (hội quán cũ và các vùng xen cư) với diện tích 10,53 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất ở thôn Nam Viên vùng Còn Lều, tuyến 1 và tuyến 2 với diện tích 2 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất ở thôn Nam Viên (lấy trên đất hội quán Nam Sơn Cũ) với diện tích 0,25 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất xen dăm dân cư bãi phần với diện tích 1,4 ha;

- Quy hoạch đất ở xen dăm (hội quán thôn Phúc Tuy cũ) với diện tích 0,02ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch Chuyển mục đích sử dụng đất (đất vườn sang đất ở) với diện tích 2,52 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất nhà ở xã hội vùng Đông Biên với diện tích 11 ha để thực hiện Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Gia Lách, tái định cư, phát triển khu dân cư mới. Thực hiện giai đoạn 2025-2030.

#### *8.4. Định hướng phát triển du lịch sinh thái:*

Quy hoạch đất khu du lịch sinh thái vùng phía Đông đập Đồng Trày; khu du lịch phát huy lễ hội đánh cá Vực Rào;

#### *8.5 Định hướng phát triển Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:*

- Quy hoạch khu công nghiệp Gia Lách với diện tích 250,70ha, trong đó phân mở rộng với diện tích 176,6ha.

#### *8.6 Định hướng quy hoạch dịch vụ thương mại:*

- Quy hoạch đất thương mại vùng Bàu Già diện tích 2,3ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

- Quy hoạch đất thương mại vùng Đồng Nồi diện tích 6,1 ha. Thực hiện giai đoạn 2025-2030;

- Quy hoạch đất thương mại vùng đối diện Đập Đồng Trày diện tích 1,35 ha. Thực hiện giai đoạn 2025-2030.

#### *8.7 Định hướng phát triển đất tôn giáo tín ngưỡng:*

- Quy hoạch đất thiền viên trúc lâm Hồng Lĩnh thôn Nam Viên với diện tích 324 ha. Thực hiện giai đoạn 2025-2030;

- Quy hoạch Mở rộng và tôn tạo Chùa Diên Phúc với diện tích 3,83ha. Thực hiện giai đoạn 2025-2030;

- Quy hoạch mở rộng Di chỉ khảo cổ học Bãi Cối - phôi phôi (thôn Nam Viên) với diện tích 6,87 ha. Thực hiện giai đoạn 2025-2030;

- Quy hoạch Tôn tạo khu văn Miếu (thôn Xuân Áng) với diện tích 1,0 ha. Thực hiện giai đoạn 2023-2025;

Các công trình khác quy hoạch giữ nguyên theo hiện trạng.

### **9. Công trình hạ tầng kỹ thuật:**

#### *9.1. Đường giao thông:*

##### **9.1.1 Giao thông đối ngoại**

- Đường Quốc lộ 1TR: Theo quy hoạch phát triển mạng lưới GTVT Hà Tĩnh đến năm 2030 tuyến này đi qua xã Xuân Viên với chiều dài 1.650m.

- Đường tỉnh lộ ĐT 546: Theo quy hoạch phát triển mạng lưới GTVT Hà Tĩnh đến năm 2030 tuyến này đi qua xã Xuân Viên với chiều dài 2.050m.

- Đường tỉnh lộ ĐT: Theo quy hoạch phát triển mạng lưới GTVT Hà Tĩnh đến năm 2030 tuyến này đi qua xã Xuân Viên với chiều dài 7.210m. Thực hiện giai đoạn 2025-2030

- Đường Huyện lộ 07: Theo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải huyện Nghi Xuân đến năm 2030 tuyến đường huyện này được quy hoạch 70m. Tổng chiều dài: 3.050m. Thực hiện giai đoạn 2025-2030

- Đường Huyện lộ 09: Theo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải huyện Nghi Xuân đến năm 2030 tuyến đường huyện này được quy hoạch rộng 29m. Tổng chiều dài: 3.986m. Thực hiện giai đoạn 2025-2030

#### 9.1.2 Giao thông đối nội

#### 9.1.2 Giao thông đối nội

Hiện tại xã có 2 tuyến đường trục TX 01 và TX 02

- Kích thước mặt cắt ngang: Nền đường rộng 13,00m, mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên rộng 2.5m.

- Tổng chiều dài: 2.070m.

Đường Liên xã Xuân Viên – Xuân Lĩnh. Thực hiện giai đoạn 2025-2030.

Quy hoạch mới tuyến liên xã Xuân Viên đi Xuân Lĩnh.

- Kích thước mặt cắt ngang: Nền đường rộng 13 , mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên rộng 2.5m.

- Tổng chiều dài: 700m.

Đường trục thôn.

- Kích thước mặt cắt ngang: Nền đường rộng 9m, mặt đường rộng 7m, lề đường mỗi bên 1m.

- Tổng chiều dài: 10.283m.

Đường ngõ xóm.

- Cấp đường: Đường GTNT loại A.

- Kích thước mặt cắt ngang: Nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 4m, lề đường mỗi bên 0,5m.

- Tổng chiều dài: 16.860m.

#### 9.2. Cấp nước:

Nguồn cấp nước được lấy từ nhà máy nước Nghi Xuân đặt tại xã Xuân Mỹ về đến xã sử dụng

#### 9.3. Thoát nước:

Trong giai đoạn đầu, nước thải sinh hoạt được thoát chung với hệ thống nước mưa. Giai đoạn dài hạn xây dựng hệ thống thu gom, xử lý thoát nước thải theo cụm.

#### *9.4. Cấp điện:*

- Đảm bảo 100% số dân toàn xã được sử dụng điện từ hệ thống lưới điện Quốc gia, đảm bảo an toàn, tiết kiệm.

- Trên cơ sở tính toán định hướng năm 2030 tổng công suất 1.044 kVA, Với công suất tính toán trên thì hiện tại các trạm biến áp trong xã đáp ứng đủ công suất phục vụ nên chỉ cần nâng cấp đường dây, thay mới một số thiết bị, cột điện đã xuống cấp, duy trì hoạt động các trạm hiện có.

#### *9.5. Vệ sinh môi trường:*

- Chất thải sinh hoạt sẽ vận động người dân phân loại tại nguồn, các loại CTR dễ phân hủy như thức ăn thừa, thực vật... sẽ được chôn lấp tại chỗ hoặc xử lý làm phân hữu cơ, các loại CTR khó phân hủy sẽ được thu gom tại từng hộ gia đình, sau đó rác được HTX môi trường được vận chuyển đến bãi tập trung CTR của xã.

- CTR công nghiệp, y tế sẽ được thu gom và xử lý riêng.

#### *9.6. Nghĩa trang nhân dân:*

- Quy hoạch đất mở rộng nghĩa trang vùng thôn Phúc Tuy với diện tích 6ha, đáp ứng di dời nghĩa trang khi đầu tư các công trình trên địa bàn xã. Thực hiện giai đoạn 2023-2025; đóng cửa, tạm dừng việc mai táng và khoanh vùng bằng hàng rào cây xanh các nghĩa trang hiện trạng còn lại.

#### *9.7. Nhà vệ sinh nông thôn:*

- Đối với nơi cộng đồng xây dựng nhà vệ sinh công cộng, tự hoại.

- Đối với hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh tự hoại, hố xí 02 ngăn theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

### **10. Quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất Nông nghiệp:**

- Đường nội đồng: Có 8 tuyến đường giao thông nội đồng với tổng chiều dài 2.354 m, nền đường rộng tối thiểu 6.034m; mặt đường rộng tối thiểu 3,5m. Kết cấu: Bê tông, nhựa hoặc cấp phối; được nâng cấp trên nền hiện trạng.

- Kênh tưới tưới: gồm 12 tuyến, với tổng chiều dài 7.099m

- Kênh chính tiêu thoát nước: Gồm 7 tuyến, với tổng chiều dài 6.612m.

### **11. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:**

#### *11.1. Các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2025:*



Nâng cấp các tuyến đường trục thôn, liên thôn bằng thảm bê tông nhựa; xây dựng nhà quản trị hành chính và các phòng bộ môn trường THCS; xây dựng trụ sở làm việc công an xã; xây dựng hạ tầng phục vụ khu bảo tồn, phát triển lễ hội Vực -Rào và khu du lịch sinh thái Tràng Vung.

### *11.2. Nguồn lực thực hiện:*

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước dành chủ yếu xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hạ tầng các vùng sản xuất tập trung.
- Nguồn vốn từ các doanh nghiệp: Đầu tư vào các hoạt động du lịch, thương mại, đô thị, sản xuất nông nghiệp nông thôn trên địa bàn xã.
- Nguồn vốn hợp pháp khác.

### **Điều 2.** Giao trách nhiệm cho các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan

1. Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch; thực hiện việc quản lý quy hoạch, quản lý đất đai theo đúng quy định hiện hành; tổ chức tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn tham gia quản lý, thực hiện quy hoạch.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra UBND xã Xuân Hải triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định, tham mưu báo cáo UBND huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Hằng năm cân đối, tham mưu, bố trí, lồng ghép nguồn vốn ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo đúng quy hoạch được duyệt.

### **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính-Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Chủ tịch UBND xã Xuân Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Dũng**